

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng QSD đất và yêu cầu hủy
giấy chứng nhận QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Hải

Ông Mai Gia Cát

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà M, sinh năm: 1956; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Minh N; địa chỉ: Số A đường M, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm: 1981.

Bà Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm: 1987

Cùng nơi cư trú: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị Hoàng D ủy quyền cho ông Ngô Văn P tham gia tố tụng. Ông P có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện D; địa chỉ: Số A đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện D: Ông Nguyễn Bình N1 - Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D; địa chỉ: Số A đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2/ Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

3/ Bà Ngô Thị Kim H, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

4/ Bà Ngô Thị Kim T, sinh năm: 1984; địa chỉ: 1 Bà H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Bà Ngô Thị Kim T1, sinh năm: 1978; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T và bà Ngô Thị Kim T1: Ông Ngô Văn P, địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

6/ Bà Ngô Thị Kim T2, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

7/ Bà Ngô Thị Kim D1, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn G, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

8/ Bà Đỗ Thị B; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

9/ Ủy ban nhân dân xã D; địa chỉ: Xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Hà M là chủ sử dụng thửa đất 734, tờ bản đồ số 2, diện tích 900m², tọa lạc thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (Sau đây gọi chung là “thửa đất 734”). Nguồn gốc thửa đất là ông M nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn B1. Do thửa đất 734 nằm vị trí cao so với hệ thống kênh mương thủy lợi, khó tiếp cận với nguồn nước tưới tiêu để sản xuất nông nghiệp và thửa đất không có lối đi ra đường công cộng nên năm 1999, ông B1 đề nghị chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông M. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1,3 chỉ vàng 95%. Việc chuyển nhượng có viết giấy tay và có sự chứng kiến, xác nhận của ông Nguyễn Văn T3 (cùng trú tại: T, xã D, D, tỉnh Khánh Hòa).

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông M hợp nhất thửa đất 734 với thửa đất liền kề của gia đình ông và dựng rào thép B40, sử dụng ổn định từ đó đến nay đã

hơn 20 năm, không ai tranh chấp. Tuy nhiên, khi ông M làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết sau khi ông Ngô Văn B1 chết, ông Ngô Văn P (con trai ông Ngô Văn B1) đã khai nhận thừa kế và UBND huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 734 cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D.

Vì vậy, ông Hà M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hà M và ông Ngô Văn B1 đối với thửa đất số 734, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T2, bà Ngô Thị Kim T1, bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim T, bà Ngô Thị Kim D1 với bên nhận tặng cho là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D được UBND xã D chứng thực số 11/2017 ngày 30/3/2017 đối với thửa đất trên;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 618916, số vào sổ: CH02817 ngày 22/6/2017 do UBND huyện D cấp cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:

Cha ông Ngô Văn P là ông Ngô Văn B1 (chết năm 2017). Khi cha ông còn sống có nói cho ông P biết về việc cho ông Hà M thuê thửa đất số 734, thời hạn thuê là 20 năm kể từ năm 1998 - 2018. Thời điểm cha ông cho thuê đất, ông P không có mặt nên không biết rõ nội dung cho thuê, không rõ có lập hợp đồng không.

Ông P biết ông Hà M quản lý, sử dụng thửa đất số 734 và cho người khác thuê canh tác, thực tế không có rào lưới B40 như ông M trình bày. Khoảng đầu năm 2017, khi gần hết thời hạn thuê đất, cha ông gặp ông M để nói về việc trả lại đất và ông M đã đồng ý.

Đến tháng 6/2017, gia đình ông gồm cha mẹ và các anh chị em ruột đã lập hợp đồng tặng cho vợ chồng ông thửa đất trên và vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã yêu cầu ông M trả lại đất cho vợ chồng ông nhưng ông M không đồng ý. Hiện nay, thửa đất này do ông M quản lý và cho thuê trồng chuối.

Vợ chồng ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà M vì cha ông chỉ cho ông M thuê đất mà không chuyển nhượng quyền sử dụng đất; gia đình ông tặng cho vợ chồng ông thửa đất và vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đỗ Thị B trình bày:

Bà là vợ ông Ngô Văn B1 và là mẹ ruột của ông Ngô Văn P. Thừa đất hiện nay ông Hà M đang tranh chấp là đất Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà theo Nghị định số 64/CP vào năm 1997. Tại thời điểm cấp đất, gia đình bà có 06 người, gồm: Ông Ngô Văn B1, bà (Đỗ Thị B) và các con là Ngô Thị Kim T1, Ngô Văn P, Ngô Thị Kim T và Ngô Thị Kim D1.

Ông Ngô Văn B1 chuyển nhượng thửa đất này cho ông M với thời hạn 20 năm. Trước khi ông B1 chết, vợ chồng bà có đến nhà ông M yêu cầu ông M trả lại thửa đất thì ông M hứa trả nhưng sau đó không trả. Sau khi ông B1 chết, ông M gửi đơn tranh chấp.

Việc ông B1 nhượng lại đất cho ông M như thế nào bà không rõ, gia đình bà chỉ nghe ông B1 nói là cho ông M thuê 20 năm. Vì vậy, năm 2017, gia đình bà mới làm giấy tặng cho ông Ngô Văn P thửa đất này. Bà yêu cầu ông M trả lại đất cho ông P. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

- Các bà Ngô Thị Kim T2, Ngô Thị Kim T1 và Ngô Thị Kim D1 trình bày:

Các bà là chị, em ruột của ông Ngô Văn P. Thừa đất tranh chấp là đất do gia đình bà được cấp theo Nghị định số 64/CP vào năm 1997. Năm 2017, tất cả các thành viên trong gia đình đã tặng cho thửa đất trên cho vợ chồng ông Ngô Văn P, bà Nguyễn Thị Hoàng D. Việc tặng cho được lập hợp đồng theo quy định của pháp luật và vợ chồng ông P, bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Trước đây, khi còn sống, cha các bà đã nói với gia đình là ông cho ông Hà M thuê thửa đất nêu trên với thời hạn 20 năm vì đất để trống, gia đình không ai sử dụng. Ông Hà M thuê để làm gì thì các bà không biết vì các bà lấy chồng ở xa. Việc cho thuê đất các bà không chứng kiến, không biết có lập văn bản hay không và không nhớ chính xác thời điểm cho thuê nhưng năm 2017, cha các bà nói đã hết thời hạn thuê đất và ông đã lấy lại thửa đất này.

Vì vậy, các bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà M.

- Bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T trình bày: Các bà thống nhất với ý kiến của bị đơn và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:

Thửa đất số 734, tờ bản đồ số 02 xã D có nguồn gốc là đất giao cho hộ gia đình ông Ngô Văn B1 theo Nghị định 64/CP, được Hội đồng xét cấp đất xã D đồng ý trình và UBND huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 456193, số vào sổ: 00682QSDĐ/DL-DK cấp ngày 15/6/1998 cho hộ ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B.

Năm 2017, hộ ông Ngô Văn B1 và bà Đỗ Thị B lập hợp đồng tặng cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D, được UBND xã D chứng thực số: 11/2017 ngày 30/3/2017. Ngày 10/5/2017, ông P, bà D nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định và được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 618916; số vào sổ: CH02817 cấp ngày 22/6/2017. Theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 569 ngày 15/7/2024, Ủy ban nhân dân xã D trình bày:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T2, bà Ngô Thị Kim T1, bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim T, bà Ngô Thị Kim D1 với bên nhận tặng cho là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D đã được UBND xã D chứng thực số 11/2017 ngày 30/3/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: (i) Nguyên đơn được quyền sử dụng thửa đất số 734, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; (ii) Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T2, bà Ngô Thị Kim T1, bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim T, bà Ngô Thị Kim D1 với bên nhận tặng cho là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D, được UBND xã D chứng thực số 11/2017 ngày 30/3/2017 vô hiệu; (iii) Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 618916; số vào sổ cấp GCN: CH02817 ngày 22/6/2017 do UBND huyện D cấp ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những đương sự vắng mặt đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thửa đất số 734, tờ bản đồ số 02, diện tích 900m², đất màu, tọa lạc tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc là đất cấp theo Nghị định 64/CP, được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 456193, số vào sổ: 00682QSDĐ/DL-DK ngày 15/6/1998 cho hộ ông Ngô Văn B1 và bà Đỗ Thị B;

[3] Theo kết quả đo đạc thực tế với sự có mặt của cán bộ địa chính xã D và các chủ sử dụng đất liền kề để xác định ranh đất thì diện tích đất tranh chấp là 898,4m², chênh lệch giảm so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận. Các bên đương sự đều yêu cầu giải quyết theo kết quả đo đạc thực tế này. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các đương sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Bị đơn và vợ, con của ông Ngô Văn B1 cho rằng ông B1 chỉ cho ông Hà M thuê đất, nhận tiền thuê một lần nhưng không có gì chứng minh cho việc thuê đất. Trong khi đó, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký của ông Ngô Văn B1 có nội dung: “*Tôi tên Ngô Văn B1, NS: 1948; H.Q. Thôn T, xã D. Có nhượng lại 1 thửa đất màu thuộc tờ bản đồ số 2, số thửa 734 với diện tích 900m² cho ông Hà M, với số tiền 1 chỉ 3 phân. Được quyền sử dụng. Nếu có điều gì sai trái tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm. Hôm nay, ngày 8-8-1999. Ký tên...*”. Các bên đương sự đều khai ông Hà M đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất công khai từ năm 1999 đến nay. Như vậy, đủ cơ sở xác định việc ông Ngô Văn B1 đã chuyển nhượng thửa đất 734 cho ông Hà M là có thật và các bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền và đất.

[5] Tuy giấy ông Ngô Văn B1 chuyển nhượng đất cho ông Hà M chỉ có chữ ký của ông Ngô Văn B1 trong khi thửa đất được cấp theo Nghị định 64 cho hộ gia đình ông Ngô Văn B1 và bà Đỗ Thị B với các thành viên là ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B và các con của ông, bà là bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T1, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị Kim T và bà Ngô Thị Kim D1 nhưng các thành viên còn lại trong hộ gia đình đều biết việc chuyển nhượng đất này và không phản đối (thể hiện qua các lời khai của đương sự trong quá trình hòa giải tranh chấp đất tại UBND xã D cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các bút lục 02, 30, 32, 85, 120). Vì vậy, căn cứ Án lệ 04/2016/AL, cần xác định các thành viên còn lại trong hộ ông Ngô Văn B1 đồng ý với việc chuyển nhượng đất này.

[6] Tuy giấy ông Ngô Văn B1 chuyển nhượng đất cho ông Hà M không được công chứng, chứng thực theo qui định nhưng đã hết thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu về hình thức (02 năm) mà không có ai yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nên giao dịch chuyển nhượng đất có hiệu lực theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1, khoản 2 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Đất đã được chuyển nhượng cho ông Hà M mà ông Ngô Văn B1 cùng những thành viên còn lại trong hộ gia đình của ông lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 30/3/2017 cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D là trái pháp luật nên Hợp đồng tặng cho này vô hiệu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02817 ngày 22/6/2017 do UBND huyện D cấp cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D trên cơ sở Hợp đồng tặng cho đã bị xác định là vô hiệu nên cũng trái pháp luật, cần hủy bỏ.

[8] Về chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 7.301.000đ + 5.200.000đ = 12.501.000đ và phải chịu 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 123, điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1, khoản 2 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ 04/2016/AL; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà M.

1. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 08/8/1999 giữa bên chuyển nhượng ông Ngô Văn B1 với bên nhận chuyển nhượng ông Hà M.

Phần đất chuyển nhượng được xác định là thửa đất số 734, tờ bản đồ số 02, diện tích đất đo thực tế là 898,4m², loại đất màu, tọa lạc tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 24/01/2024 kèm theo bản án.

2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Ngô Văn B1, bà Đỗ Thị B, bà Ngô Thị Kim H, bà Ngô Thị Kim T2, bà Ngô Thị Kim T1, bà Ngô Thị Kim L, bà Ngô Thị Kim T, bà Ngô Thị Kim D1 với bên nhận tặng cho là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D, được UBND xã D chứng thực số 11/2017 ngày 30/3/2017 vô hiệu.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 618916; sổ vào sổ cấp GCN: CH02817 ngày 22/6/2017 do UBND huyện D cấp cho ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D.

4. Ông Hà M có quyền liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng được nêu tại Mục 1. của P1 quyết định.

Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 456193, sổ vào sổ: 00682QSDĐ/DL-DK ngày 15/6/1998 cấp cho hộ ông Ngô Văn B1 và bà Đỗ Thị B và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà M đối với phần đất được nêu tại Mục 1. của P1 quyết định theo yêu cầu của ông Hà M.

5. Chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D phải thanh toán lại cho ông Hà M 12.501.000đ chi phí tố tụng

6. Án phí: Ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu chung 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì

còn phải trả lỗi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền